

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT VÕ VĂN KIẾT
Số: 55 /KH-VVK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 8, ngày 22 tháng 4 năm 2022

KẾ HOẠCH
Về thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở lớp 10
Năm học 2022-2023

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Thực hiện công văn số 1094/SGDĐT-GDTrH ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện hoạt động chuyên môn hoàn thành nhiệm vụ năm học 2021-2022;

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, trường THPT Võ Văn Kiệt xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 như sau:

2. BỐI CẢNH ĐỊA PHƯƠNG VÀ NHÀ TRƯỜNG

2.1. Bối cảnh bên ngoài

2.1.1. Thời cơ.

Trong giai đoạn hiện nay đất nước đang có những thành quả vượt bậc trong xây dựng, phát triển kinh tế. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng

nâng lên, an ninh quốc phòng giữ vững, uy tín và vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng tăng. Đảng và Nhà nước ta xác định giáo dục là “Quốc sách hàng đầu”, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Đó là những điều kiện thuận lợi để đổi mới giáo dục đáp ứng yêu cầu cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Thành phố Hồ Chí Minh là đầu tàu kinh tế của cả nước nên hơn ai hết, Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh luôn phát triển không ngừng với truyền thống năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, tích cực đổi mới. Nhờ vậy, luôn là ngọn cờ đầu của cả nước, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và giúp thành phố ngày một phát triển, hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM và của Quận ủy, UBND Quận 8. Với đội ngũ sư phạm vững tay nghề, ý thức trách nhiệm cao, tâm huyết với nghề là lực lượng nòng cốt, nhân tố tích cực trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào đổi mới phương pháp, triển khai chương trình trình giáo dục mới nhằm xây dựng và phát triển đơn vị.

2.1.2. Thách thức

Yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với chất lượng giáo dục của nhà trường, đòi hỏi nhà trường phải tích cực đổi mới, đi đầu trong việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới như vậy mới có thể sớm ổn định và bắt nhịp cùng với xu thế phát triển của xã hội trong giai đoạn hiện nay của địa phương và đất nước.

Cơ chế chính sách về giáo dục trong giai đoạn quá độ đổi mới vẫn còn một số bất cập, chồng chéo, mức độ thực hiện tự chủ chưa cao. Chưa có cơ chế thu hút giáo viên giỏi, sinh viên giỏi, chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên còn thấp. Nguồn kinh phí còn hạn chế chưa đảm bảo cho quá trình thực hiện các hoạt động đổi mới giáo dục.

Đơn vị thuộc địa bàn phường 13, quận 8, đa số dân cư tại địa phương làm nghề tự do, lao động phổ thông nên kinh tế còn khó khăn, vất vả nên sự quan tâm đối với hoạt động giáo dục con em chưa cao, một số ít phụ huynh vì mưu sinh, còn phó mặc cho nhà trường trong công tác giáo dục học sinh. Mặt trái kinh tế thị trường và lối sống thực dụng đã ảnh hưởng đến một số ít giáo viên và học sinh; những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, tệ nạn xã hội xâm nhập vào học đường vẫn còn.

2.2. Bối cảnh bên trong

2.2.1. Điểm mạnh của nhà trường

Trong giai đoạn từ khi thành lập năm 2015 đến năm học 2022-2023 nhà trường

tích cực triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8-Khóa XI về *“Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*;

Trường THPT Võ Văn Kiệt tập trung chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá; dạy học phân hóa trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông. Chú trọng yêu cầu *“Dạy chữ - Dạy người”* trong từng hoạt động giáo dục, luôn xem trọng việc giáo dục tư tưởng và nhân cách của học sinh: Thực hiện dạy tích hợp trong một số bộ môn theo định hướng STEM nhằm kết hợp giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh qua các giờ học văn hóa, tổ Giáo dục công dân biên soạn bài dạy tích hợp về Luật giao thông, tổ Địa lý thực hiện dạy kết hợp chủ đề biển đảo Việt Nam, tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa, giáo dục hướng nghiệp.

Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực vào trong giảng dạy, thực hiện đổi mới sinh hoạt chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh. Tích cực tổ chức phong trào thi đua nâng cao sinh hoạt tổ, nhóm tập trung vào nhiệm vụ chuyên môn, hướng đến việc bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh; thực hiện các hội nghị chuyên đề về công tác chủ nhiệm, thao giảng.

Nhà trường thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các lực lượng giáo dục ngoài xã hội, nhất là với ban đại diện CMHS để nhắc nhở động viên các em học tập, tăng cường nhiều giải pháp, hình thức dạy học để hướng tới việc khắc phục tỷ lệ học sinh yếu, kém và học sinh bỏ học qua từng năm học, hướng đến mục tiêu có số học sinh khá, giỏi chiếm tỷ lệ cao và ổn định. Kết quả đã phấn đấu đạt được thành tích tốt năm sau cao hơn năm trước.

Nhà trường có diện tích khuôn viên 8.657m², với cơ sở vật chất khá đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu của hoạt động dạy học. Có đủ phòng học cho việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Có 10 phòng làm việc, thư viện đạt chuẩn, 6 phòng thực hành bộ môn, thiết bị dạy học đạt chuẩn tối thiểu. Hệ thống hàng rào, công trường hoàn chỉnh, khuôn viên nhà trường thoáng mát.

a) Học sinh

Khối	Số lớp	Học sinh			Sĩ số TB HS/lớp	Số HS lưu ban	Gia đình chính sách	Gia đình khó khăn
		T.số	Nữ	Dân tộc				
10	13	576	327	76	44.3			
11	13	578	324	78	44.5	2		
12	13	558	307	75	43	1		
Cộng	39	1712	958	229	44.05			

b) Đội ngũ Cán bộ - Giáo viên - Nhân viên

b.1. Giáo viên

TT	Tổ bộ môn	Giáo viên		Đăng viên	Số giáo viên					
					Biên chế (cơ hữu)	Hợp đồng thỉnh giảng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng số	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Toán	11	05	2	11	0	05	06		
2	Văn	11	10	2	11	0	03	08		
3	Ngoại ngữ	11	10	1	11	0	1	10		
4	Lý	07	03	0	07	0	02	05		
5	Hóa	06	03	0	06	0	02	04		
6	Sinh	03	02	0	03	0	01	02		
7	Sử	04	03	1	04	0	01	03		
8	Địa	04	03	1	04	0	0	04		
9	GDCD	03	03	2	03	0	01	02		
10	Thể dục	05	01	3	05	0	0	05		
11	Quốc phòng	02	01	0	03	0	0	02		
12	Công nghệ	01	00	0	01	0	01	0		
13	Tin học	04	01	1	04	0	0	04		
Cộng		72	49	12	71	0	17	54		

b.2. Cán bộ - Nhân viên

TT	Bộ phận	Số lượng		Đảng viên	Số giáo viên					
					Biên chế (cơ hữu)	Hợp đồng	Trình độ			
		Tổng số	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Ban giám hiệu	03	01	03	03		03			
2	Kế toán	01	01	0	01			01		
3	Thủ quỹ	01	01	0	01			01		
4	Thư viện	01	01	0	01				01	
5	Học vụ	02	02	01	01	01		01		01
6	Y tế	01	01	0	0	01				01
7	Bảo vệ	03	0	0	0	03				03
8	Phục vụ	05	05	0	0	05				05
9	Thu ngân	02	02	0	01	01		02		
10	Giám thị	04	02	0	0	04		01	02	01
Cộng		24	15	2	7	15	3	6	3	11

c) Tổ chức đảng, đoàn thể**❖ Chi bộ**

- Cấp ủy gồm: 03 người;
- Tổng số đảng viên: 19, trong đó nữ: 11.

❖ Công đoàn cơ sở

- Ban chấp hành công đoàn cơ sở gồm: 07 người;
- Tổng số đoàn viên: 94 đoàn viên

❖ Chi đoàn giáo viên

- Ban chấp hành chi đoàn giáo viên gồm: 5 người.
- Tổng số đoàn viên giáo viên: 40 người.

d) Cơ sở vật chất

Diện tích trường	Số phòng thí nghiệm	Số phòng nghe nhìn	Số phòng vi tính	Số phòng khác (Phòng Lab)	Diện tích nhà ăn	Diện tích khu bán trú
8657m ²	3	0	3	0	0m ²	1680m ²

- Phòng thư viện: 01.

- Phòng Y tế: 01.
- Trang thiết bị dạy học:
 - + Bảng tương tác: 03;
 - + Máy chiếu: 04;
 - + Laptop: 02;
 - + Tivi: 39.

2.2.2. Những điểm yếu, tồn tại

Đội ngũ giáo viên chưa cân đối giữa các bộ môn, giáo viên một số môn Công Nghệ, Âm Nhạc, Mỹ Thuật còn thiếu. Một số ít giáo viên (5%) chưa năng động, linh hoạt, chậm đổi mới phương pháp giáo dục, chưa chủ động tiếp cận chương trình đổi mới. Giáo viên còn ngại thực hiện dạy học theo định hướng STEM, tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Tuyển sinh đầu vào có chất lượng chưa cao đang ở mức trung bình của Thành phố. Cơ sở vật chất của nhà trường chỉ đáp ứng yêu cầu tối thiểu, trang thiết bị chưa đồng bộ. Sân chơi, nhà tập đa năng chưa đủ chuẩn nên khó khăn trong tổ chức dạy học thể dục, giáo dục quốc phòng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

3. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

3.1. Mục tiêu chung

Xây dựng trường THPT Võ Văn Kiệt trở thành trường có chất lượng giáo dục cao và có uy tín trong khu vực và thành phố, là nơi ươm mầm những tài năng cho quê hương, đất nước, là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên, hướng tới môi trường giáo dục toàn diện phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới.

Xây dựng nhà trường có môi trường giáo dục tốt, đẩy mạnh thi đua dạy tốt, học tốt, tăng cường giáo dục đạo đức, tư, tưởng, lối sống cho học sinh. Chú trọng giáo dục cả về kiến thức, kỹ năng theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Quy mô, số lượng: Giữ vững quy mô, số lượng ổn định: 39 lớp với tổng số hơn 1.700 học sinh.

3.2.2. Chất lượng các mặt giáo dục

STT	Nội dung		Kết quả NH 2019-2020	Kết quả NH 2020-2021	Kết quả HK1, NH 2021-2022
1	Xếp loại Hạnh kiểm	<i>Tốt</i>	1.573 (97,57%)	1.583 (95,01%)	1.700 (98,95%)
		<i>Yếu</i>	05 (0.3%)	06 (0.36%)	03 (0,17%)
2	Xếp loại Học lực	<i>Giỏi</i>	574 (35,58%)	596 (35,77%)	731 (42,55%)
		<i>Yếu</i>	07 (0,43%)	19 (1.14%)	05 (0,29%)
3	Học sinh lên lớp thẳng		1.600 (99.2%)	1.641 (98.5%)	
4	Học sinh đậu TN THPT		510/510 (Tỉ lệ: 100%)	517/517 (Tỉ lệ: 100%)	
5	Học sinh đạt giải Cuộc thi máy tính cầm tay cấp TP		1 Nhất; 3 Nhì; 7 Ba	2 Nhất; 5 Nhì; 7 Ba	1 Nhất; 1 Nhì; 7 Ba
6	Học sinh giỏi cấp TP		4 Nhất; 9 Nhì; 06 Ba	4 Nhất; 7 Nhì; 18 Ba và 03 giải KHK T	07 Nhì, 18 Ba, 02 giải KHK T

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

4.1. Chương trình chính khóa lớp 10

TT	Môn học	Số tiết lớp 10		
		Tổng	HK1	HK2
1. Môn học bắt buộc				
1	Toán	105	54	51
2	Ngữ văn	105	54	51
3	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	105	54	51
4	Giáo dục thể chất	70	36	34
5	Giáo dục quốc phòng và an ninh	35	18	17

2. Môn học lựa chọn (lựa chọn 5 môn học từ 3 nhóm môn học, mỗi nhóm chọn ít nhất 1 môn)				
Nhóm môn khoa học xã hội	6. Lịch sử	70	36	34
	7. Địa lý	70	36	34
	8. Giáo dục KT & PL	70	36	34
Nhóm môn khoa học Tự nhiên	9. Vật lý	70	36	34
	10. Hóa học	70	36	34
	11. Sinh học	70	36	34
Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật	12. Công nghệ	70	36	34
	13. Tin học	70	36	34
	14. Âm nhạc	70	(hợp đồng giáo viên đáp ứng tiêu chuẩn từ các trường THCS thuộc Q8)	
	15. Mỹ thuật	70		
3. Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn)				
Cụm chuyên đề Toán		35	18	17
Cụm chuyên đề Ngữ văn		35	18	17
Cụm chuyên đề Lịch sử		35	18	17
Cụm chuyên đề Địa lý		35	18	17
Cụm chuyên đề Giáo dục KT & PL		35	18	17
Cụm chuyên đề Vật lý		35	18	17
Cụm chuyên đề Hóa học		35	18	17
Cụm chuyên đề Sinh học		35	18	17
Cụm chuyên đề Tiếng Anh		35	18	17
4. Hoạt động giáo dục bắt buộc HD trải nghiệm, hướng nghiệp		105	18	17
5. Nội dung giáo dục địa phương		35	18	17
6. Môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số hoặc Ngoại ngữ 2 (105)				
Tổng số tiết		1015	522	493
Số tiết/ tuần (cả năm học)		29	29	29

Trong đó:

- Giáo dục thể chất gồm các môn tự chọn: Bóng đá, Cầu lông, Bóng chuyền.
- Ngoại ngữ 2: Tiếng Nhật.

4.2. Xây dựng phương án lựa chọn môn học cho học sinh

- Khối 10 (13 lớp): Thực hiện theo CTGDPT 2018 theo Thông tư số 32/TT-BGDĐT.
- Khối 11 (13 lớp): Thực hiện theo CTGDPT 2006.
- Khối 12 (13 lớp): Thực hiện theo CTGDPT 2006.
- Quy định về thời gian năm học: Theo Quyết định ban hành khung thời gian năm học của UBND thành phố Hồ Chí Minh (*dự kiến*)
 - + Học kỳ I: Từ 05/9/2022 – 09/01/2023.
 - + Học kỳ II: Từ 11/01/2023 – 25/5/2023.
- Các phương án lựa chọn môn học khối 10: Các tổ hợp môn lựa chọn và cụm chuyên đề.

STT	TÊN LỚP	MÔN LỰA CHỌN	CỤM CHUYÊN ĐỀ	SỐ LỚP
1	XH 01	Sử - Địa -KT&PL + Lý + Tin	Văn – Sử – Địa	03
2	XH 02	Sử - KT&PL + Hóa + Tin học + Công nghệ	Văn – Sử – KT&PL	03
3	TN 01	Lý- Hóa + Địa + Tin + Công nghệ	Toán – Lý - Hóa	03
4	TN 02	Hóa - Sinh + KT&PL + Tin học + Mỹ Thuật	Toán – Hóa - Sinh	03
5	Tổ hợp khác	Lý- Sinh + Lịch sử - Địa + Mỹ Thuật	Tiếng Anh – Lý – Địa	01
Cộng	05			13

5. KHUNG THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀY

5.1. Buổi sáng: Thực hiện chương trình chính khóa, chuyên đề, môn tự chọn TN/XH

Buổi sáng		Nội dung
7h00 – 7h45	45 phút	Học tiết 1
7h45 – 8h30	45 phút	Học tiết 2
8h30 – 9h00	30 phút	Ra chơi
9h00 – 9h45	45 phút	Học tiết 3
9h45 – 10h30	45 phút	Học tiết 4
10h30 – 11h15	45 phút	Học tiết 5

5.2. Buổi chiều: Thực hiện chương trình buổi 2 (2 môn lựa chọn, Ngoại ngữ 2; Tin học quốc tế, kỹ năng sống...)

Buổi chiều		Nội dung
13h45 – 14h30	45 phút	Học tiết 1
14h30 – 15h15	45 phút	Học tiết 2
15h15 – 15h45	30 phút	Ra chơi
15h45 – 16h30	45 phút	Học tiết 3
16h30 – 17h15	45 phút	Học tiết 4

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Lãnh đạo nhà trường

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở lớp 10, năm học 2022-2023, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra giám sát quá trình thực hiện kế hoạch.

- Xây dựng phương án lựa chọn môn học cho học sinh lựa chọn phù hợp với tình hình của nhà trường, đội ngũ cán bộ, giáo viên.

- Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên thực hiện chương trình giáo dục 2018.

- Huy động tất cả lực lượng, nguồn lực cùng tham gia thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

6.2. Tổ chuyên môn

- Phân công nhiệm vụ cho giáo viên.
- Tổ chức xây dựng phân phối chương trình dạy học môn học.
- Tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục.
- Xây dựng các chủ đề dạy học.
- Xây dựng các chuyên đề chuyên sâu theo bộ môn.
- Tổ chức bồi dưỡng giáo viên theo yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục THPT.
- Kiểm tra, giám sát giáo viên trong thực hiện chương trình giáo dục ...
- Thực hiện kịp thời chế độ báo cáo với Ban giám hiệu về việc thực hiện nhiệm vụ của tổ, của giáo viên.

6.3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
- Triển khai kế hoạch dạy học, giáo dục cho từng lớp theo phân công và thời khóa biểu.
- Huy động tất cả lực lượng, nguồn lực cùng tham gia thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.
- Tham gia bồi dưỡng, tự bồi dưỡng theo yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục THPT.
- Phối hợp và hỗ trợ đồng nghiệp trong thực hiện KHGD nhà trường.

6.4. Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch

- Các tổ chuyên môn hàng tháng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đề ra, báo cáo Ban Giám hiệu nhà trường.
- Ban Giám hiệu kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch của giáo viên, các tổ chuyên môn, đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện hàng tuần, hàng tháng, học kỳ, năm học.
- Bám sát vào các văn bản hướng dẫn của Bộ, Sở để bổ sung, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình.
- Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh các tổ chuyên môn, giáo viên có thể trao đổi góp ý trực tiếp về Ban Giám hiệu để điều chỉnh bổ sung kế hoạch giáo dục năm học, lịch hoạt động dạy học, giáo dục phù hợp với tình hình thực hiện.

6.5. Chế độ thông tin báo cáo

- Thực hiện báo cáo của giáo viên, tổ chuyên môn, các bộ phận hàng tuần, hàng tháng, học kỳ, năm học đầy đủ kịp thời.
- Báo cáo cho Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố đúng qui định.

Trên đây là kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở lớp 10 năm học 2022-2023, các tổ chuyên môn của trường căn cứ kế hoạch này xây dựng kế hoạch của tổ thực hiện cho năm học phù hợp với điều kiện của nhà trường. Giao cho Phó hiệu trưởng triển khai thực hiện các mảng công tác do cá nhân phụ trách, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả cho Hiệu trưởng tại các cuộc họp giao ban. Trong quá trình thực hiện có vấn đề phát sinh, cần báo cáo kịp thời để giải quyết sao cho phù hợp với tình hình thực tế của trường./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT TP. HCM (để báo cáo);
- CB, GV, NV toàn trường;
- Trang web của trường;
- Lưu: VT.



Phạm Quang Hiếu